TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAN LỘC** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HS-ST
Ngày: 17 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Nhạ và bà Phan Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Can Lộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST-HS, ngày 02 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Viết L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 13 tháng 8 năm 1971; Quê quán: xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện C, Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không: Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ văn hóa: 12/12; Bị cáo là Đảng viên Đ1, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 07/6/2023; Con ông: Nguyễn Văn T,sinh năm: 1928 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1930, hiện trú tại xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; A, chị, em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Phan Thị H1, sinh năm: 1974, nghề nghiệp: Giáo viên; Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2014; Vợ, con hiện trú tại tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 12/4/2023 đến nay tại tổ dân phố N, thị trấn Đ, huyện C, Hà Tĩnh; Bị cáo có mặt tại phiên toà.

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phan Mậu N, sinh năm 1962, địa chỉ: TDP T, phường T, TP H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.
- Chị Phan Thị H1, sinh năm: 1974, địa chỉ: TDP N, thị trấn Đ, huyện C,

tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

** Người làm chứng:*

- Ông Phan Đình Q, sinh năm 1960, địa chỉ: TDP T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Ông Võ Đức P, sinh năm 1962, địa chỉ: TDP T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Ông Hoàng Văn P1, sinh năm 1942, địa chỉ: thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1996, Nguyễn Viết L kết hôn với chị Phan Thị H1, sinh năm 1974, trú tại xã Đ (nay là thị trấn Đ) và sinh sống tại nhà của anh Phan Mậu N (anh trai của chị H1) tại cửa hàng T8 thuộc thị trấn Đ. Thời điểm đó, anh N đã chuyển vào sinh sống tại phường T, TP H. Năm 1998, anh N được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 về việc giao 100m^2 đất ở thuộc cửa hàng T8, vì trước đó, khoảng năm 1990 đến năm 1991, cửa hàng T8 có chủ trương giải thể và bán lại đất khu tập thể cửa hàng cho cán bộ cửa hàng có nhu cầu mua. Khi được cấp Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998, anh N bàn giao lại cho chị Phan Thị H1 cất giữ cùng 02 đơn xin cấp đất mang tên Phan Mậu N. Quá trình sống chung với chị H1, Nguyễn Viết L có nghe chị H1 kể năm 1994, chị H1 có làm đơn xin mua một phần diện tích đất phía sau khuôn viên công ty T9, nằm trong thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299 vùng Đ, tổ dân phố T, thị trấn Đ, đã được ông Hoàng Văn P1, sinh năm 1942, trú tại thôn T, xã S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là đại diện cửa hàng thương nghiệp thời điểm đó xác nhận, ký tên, đóng dấu và chị H1 mang đơn lên nộp cho Ủy ban nhân dân xã Đ và nộp số tiền 300.000đồng, có phiếu thu nộp tiền số 16 ngày 11/4/1998, có chữ ký của ông Trần Đức T1 (khi đó là phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ) và ông Nguyễn Văn T2, phía trên phiếu thu có đóng dấu treo của UBND xã Đ nhưng vẫn chưa được cấp đất.

Trong khoảng thời gian từ năm 2006 đến 2010, trong quá trình công tác tại Trung đoàn 841 thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh H đóng tại xã C (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Viết L và anh Nguyễn Đình T3, sinh ngày 26/7/1969, quê quán xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (trợ lý chính trị của Trung đoàn H5) thường đi in ấn giấy khen, tài liệu màu cho đơn vị tại quán phôtô có địa chỉ tại xã C, huyện C của một người phụ nữ tên "L1". Khi đi in ấn giấy khen, Nguyễn Viết L thấy quán photo của người phụ nữ tên "L1" có thể làm giấy khen, bằng khen bằng màu, scan được tài liệu màu, từ tài liệu này có thể in ra tài liệu khác và có thể chỉnh sửa thông tin, in ra giống như bản thật. Do biết thửa đất mà chị H1 đề nghị cấp nằm trong thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299 vùng Đ, tổ dân phố T, thị trấn Đ chưa có ai sinh sống và chưa có ai được cấp quyền sử dụng đất, chị Phan Thị H1 có phiếu thu tiền được đóng dấu treo của UBND xã Đ nên Nguyễn Viết L đã nảy sinh ý định sẽ làm giả từ Quyết định số 401 ngày 31/7/1998 của anh Phan Mậu N sang tên vợ là Phan Thị H1 nhằm chiếm đoạt một phần diện tích nằm

trong thửa đất số 65 trên. Thực hiện ý định đó, khoảng cuối năm 2007, Nguyễn Viết L về nhà lấy Quyết định số 401 của anh Phan Mậu N vào đơn vị gặp anh Nguyễn Văn T4 nhờ anh T4 làm giả quyết định và đơn xin cấp đất mang tên Phan Thị H1. Sau đó, Nguyễn Viết L và Nguyễn Văn T4 đi ra quán phô tô để thuê chị L1 làm giả. Chị L1 bảo Nguyễn Viết L viết các thông tin cần sửa đổi từ Quyết định 401QĐ/UB ngày 31/7/1998 để scan thành quyết định khác. Nguyễn Viết L viết các nội dung cần thay đổi ra một tờ giấy rồi đưa cho chị L1, những nội dung này gồm: Số, ngày tháng quyết định thay đổi từ: 401QĐ/UB ngày 31/7/1998 thành: 25 ngày 11/11/1998, quyết định mang tên Phan Mậu N thay đổi thành: Phan Thị H1, Bắc giáp: Vườn ở anh T5 đổi thành: Vườn ở chị N1, Nam giáp: Vườn ở chị Nguyệt T6: Đất sx HTX Đ2; còn diện tích 100 m^2, người ký Trần Đình H2 và con dấu không thay đổi. Khi Nguyễn Viết L cung cấp đầy đủ thông tin, chị L1 scan quyết định và chỉnh sửa trên máy tính rồi in màu ra Quyết định mới số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1 với diện tích đất 100m^2, chiều dài 12m, chiều rộng 09m đúng như thông tin Nguyễn Viết L đưa cho chị L1. Chữ ký tên là Trần Đình H2 và con dấu U vẫn không thay đổi. Do anh Phan Mậu N có 02 đơn xin cấp đất giống nhau, có xác nhận, đóng dấu đầy đủ của chính quyền nên để chứng minh quyết định giao đất số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1 là có thật, Nguyễn Viết L đã lấy 01 đơn xin cấp đất của anh Phan Mậu N và nhờ anh Nguyễn Văn T4 tẩy xóa bằng tay và sửa tên từ Phan Mậu N thành Phan Thị H1, ngày tháng cũng sửa chữa từ 25.3.91 thành 25.3.94. Xong việc Nguyễn Viết L trả cho anh Nguyễn Văn T4 và người phụ nữ tên "L1" mỗi người 1.000.000đ.

Sau khi làm xong quyết định giao đất số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1, có diện tích 100m^2; tẩy xóa xong đơn xin cấp đất mang tên Phan Mậu N thành tên Phan Thị H1 thì Nguyễn Viết L đưa về nhà cất và nói với chị Phan Thị H1 là đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyết định giao đất số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1, diện tích 100m^2. Nghe Nguyễn Viết L nói vậy, chị Phan Thị H1 tin quyết định này là có thật, không biết việc Nguyễn Viết L đã thuê người làm giả. Đến năm 2019, khi UBND thị trấn Đ quy hoạch thửa đất mà Nguyễn Viết L làm giả ở quyết định trên để đấu giá (theo quy hoạch phân lô đấu giá sử dụng đất năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, thửa đất này thuộc lô 01, tờ bản đồ số 29) thì Nguyễn Viết L đã đưa quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998, đơn xin cấp đất có tẩy xóa, phiếu thu tiền đến Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất thể hiện trong quyết định giao đất số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ đang quản lý. Anh Nguyễn Xuân H3 là cán bộ địa chính kiểm tra, giữ lại quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998, còn đơn xin cấp đất có tẩy xóa và phiếu thu tiền thì đưa Nguyễn Viết L mang về. Đến khoảng tháng 8/2021, nghĩ quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 do Nguyễn Viết L cung cấp là thật nên anh Nguyễn Xuân H3 đã hướng dẫn gia đình Nguyễn Viết L làm đơn viết tay xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để các cơ quan chức năng xem xét. Khi đó chị Phan Thị H1 là người viết đơn, Nguyễn Viết L cũng đã ký vào một bên đơn. Ủy ban nhân dân thị trấn Đ kiểm tra bản đồ địa chính, hồ sơ tài liệu lưu trữ không có thông tin nào liên quan đến Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998. Do đó,

đã bàn giao cho Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C kiểm tra nhưng không có thông tin lưu trữ.

Đến tháng 8/2022, ông Phan Đình Q, trú tại tổ dân phố T, thị trấn Đ đã làm đơn tố cáo lên Ủy ban nhân dân huyện C về nghi vấn liên quan đến quyết định giao đất số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1. Phòng T đã bàn giao Quyết định này cho Tổ xác minh, giải quyết đơn của Ủy ban nhân dân huyện C để phục vụ xác minh. Ủy ban nhân dân huyện C đã trưng cầu giám định Phòng K Công an tỉnh H đối với Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 của UBND huyện C cấp cho bà Phan Thị H1. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh và văn bản trả lời số 41/PC09 ngày 08/11/2022 của Phòng K Công an tỉnh H cho thấy Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 của UBND huyện C cấp cho bà Phan Thị H1 là giả nên Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 1269/UBND-TTr đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C điều tra, xác minh làm rõ (Bút lục 01 – 26).

** Kết luận giám định số 63/KL-KTHS ngày 28/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận:* Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1 và Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 mang tên Phan Mậu N có chữ ký và con dấu không phải là chữ ký và con dấu đóng trực tiếp (Tức là quyết định bị làm giả); Đơn xin cấp đất làm nhà ở ngày 25.3.94, trong đơn có đứng chữ ký và tên Phan Thị H1 bị tẩy xóa, sửa chữa từ đơn Phan Mậu N nguyên thủy. Đối với Phiếu thu số 16 ngày 11/4/1998 đứng tên Phan Thị H1 không bị tẩy xóa, sửa chữa, chữ ký và con dấu trong phiếu thu đều cùng nội dung với chữ ký và con dấu mẫu so sánh. (Bút lục 65 - 67).

Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Viết L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, Nguyễn Viết L còn khai nhận để thực hiện mục đích hợp thức hóa thửa đất phía sau khuôn viên cửa hàng thương nghiệp Đ và tăng diện tích đối với thửa đất được thể hiện trong Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 mang tên Phan Mậu N, L còn thuê người làm giả thêm hai quyết định giả khác gồm: Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1 (có diện tích đất 200m2) và Quyết định số 97 QĐ/UB ngày 15/12/1998 mang tên Phan Mậu N. Tuy nhiên, hai quyết định này Cơ quan điều tra không thu giữ được, đồng thời xác minh người trực tiếp làm giả Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 thì Nguyễn Đình T3 đã chết năm 2011, người phụ nữ tên "Lương" không rõ lai lịch, địa chỉ; Nguyễn Viết L thuê người làm giả Quyết định số 97 QĐ/UB ngày 15/12/1998 thông qua số quảng cáo trên mạng internet, không xác định được lai lịch, địa chỉ. Do vậy, không có căn cứ để xử lý về hành vi sử dụng tài liệu giả đối với hai quyết định giả này của Nguyễn Viết L.

Đối với Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 của anh Phan Mậu N thu giữ được giám định là giả, tuy nhiên, Nguyễn Viết L không phải là người trực tiếp làm, không thuê người làm, không sử dụng Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 thực hiện hành vi trái pháp luật. Do đó, không có căn cứ để xử lý về hành vi sử dụng tài liệu giả đối với quyết định giả này của Nguyễn Viết L.

** Việc thu giữ và xử lý các vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ án:*

- *UBND huyện C bàn giao:*

+ 01 (một) Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 về việc về cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn mang tên Phan Thị H1, trong quyết định có chữ ký đứng tên Trần Đình H2, con dấu "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC T. HÀ TĨNH ★, quyết định được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2021 của Phan Thị H1.

- *Nguyễn Viết L giao nộp:*

+ 01 (một) Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 về việc về cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn mang tên Phan Mậu N, trong quyết định có chữ ký đứng tên Trần Đình H2, con dấu "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC T. HÀ TĨNH", quyết định được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) Đơn xin cấp đất làm nhà ở ngày 25.3.94, trong đơn có chữ ký và tên Phan Thị H1 (Đơn có dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa), đơn được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) Đơn xin cấp đất và nhượng nhà ở ngày 25.3.91, trong đơn có chữ ký và tên Phan Mậu N.

+ 01 (một) Phiếu thu số 16, ngày 11/4/1998, trong phiếu có nội dung: Họ và tên người nộp tiền: Phan Thị H1, số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), phiếu thu được ép plastic bên ngoài, phiếu thu được ép plastic bên ngoài.

Các vật chứng, tài liệu được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Với hành vi trên, tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKS-CL ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc đã truy tố Nguyễn Viết L về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết L phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; Áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Viết L từ 07 đến 09 tháng tù cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tính tù ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về vật chứng: lưu hồ sơ vụ án các tài liệu là công cụ, phương tiện phạm tội, vật mang dấu vết tội phạm gồm: 01 Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn mang tên Phan Thị H1, trong quyết định có chữ ký đứng tên Trần Đình H2, con dấu "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC T. HÀ TĨNH ★, quyết định được ép plastic bên ngoài, 01 đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2021 của Phan Thị H1, 01 Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn mang tên Phan Mậu N, trong quyết định có chữ ký đứng tên Trần Đình H2, con dấu "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC T. HÀ TĨNH", quyết định được ép plastic bên ngoài, 01 Đơn xin cấp đất làm nhà ở ngày 25.3.94,

trong đơn có chữ ký và tên Phan Thị H1 (Đơn có dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa), đơn được ép plastic bên ngoài, 01 Phiếu thu số 16, ngày 11/4/1998, trong phiếu có nội dung: Họ và tên người nộp tiền: Phan Thị H1, số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), phiếu thu được ép plastic bên ngoài; trả lại cho bị cáo 01 Đơn xin cấp đất và nhượng nhà ở ngày 25.3.91, trong đơn có chữ ký và tên Phan Mậu N; đề nghị tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận tất cả các hành vi, cách thức thực hiện tội phạm của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ năm 2006 đến 2010, trong quá trình công tác tại Trung đoàn 841 thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh H đóng tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, với mục đích chiếm đoạt thửa đất có diện tích 100m^2 nằm trong thửa đất số 65, tờ bản đồ số 01, bản đồ 299 vùng Đ, tổ dân phố T, thị trấn Đ đang thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C chưa được cấp cho tổ chức, cá nhân nào. Nguyễn Viết L đã thuê người làm giả Quyết định cấp đất số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1 của Ủy ban nhân dân huyện C. Đến năm 2019, khi Ủy ban nhân dân thị trấn Đ quy hoạch thửa đất mà Nguyễn Viết L làm giả quyết định trên để đấu giá (theo quy hoạch phân lô đấu giá sử dụng đất năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, thửa đất này thuộc lô 01, tờ bản đồ số 29) thì Nguyễn Viết L đã mang Quyết định số 25 giả cùng với đơn xin cấp đất mang tên Phan Thị H1 (có tẩy xóa) và biên lai thu tiền mang tên Phan Thị H1 lên trình Ủy ban nhân dân thị trấn Đ để khẳng định thửa đất đã được cấp cho gia đình Nguyễn Viết L, đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Đ và Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được thể hiện trong quyết định cấp đất giả nhằm mục đích hợp thức hóa thửa đất, hưởng lợi cá nhân.

[3] Xét cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận định:

Bị cáo Nguyễn Viết L là người đủ nhận thức, năng lực trách nhiệm hình sự. Xuất phát từ việc trước đây vợ của Nguyễn Viết L là Phan Thị H1 có phiếu thu nộp tiền làm bìa đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bị cáo đã nảy sinh ý định làm giả Quyết định cấp đất với mục đích gửi UBND thị trấn Đ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm trục lợi cá nhân. Hành

vi sử dụng Quyết định giả số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 của UBND huyện C mang tên Phan Thị H1 để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nguyễn Viết L đã vi phạm khoản 9 Điều 12 Luật đất đai 2013. *"Điều 12 Luật Đất đai 2013 quy định: Những hành vi bị nghiêm cấm:....9. Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin về đất đai không chính xác theo quy định của pháp luật"*. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Mặc dù việc sử dụng quyết định giả của bị cáo chưa gây thiệt hại cho nhà nước (thửa đất mà bị cáo thuê người làm giả quyết định hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tuy nhiên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc truy tố bị cáo Nguyễn Viết L về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan, sai.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*Nhân thân bị cáo:*bị cáo có nhân thân tốt.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Viết L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra, Nguyễn Viết L được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS như sau:

Quá trình công tác trong lực lượng Quân đội từ năm 1990 đến năm 2018 (có giai đoạn từ năm 2003 – 2005 công tác tại nước Lào), Nguyễn Viết L đã được Đảng, Nhà nước tặng Huân chương quân kỳ quyết thắng, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Ông Nguyễn Văn T7 (Cha đẻ của bị cáo Nguyễn Viết L) từng tham gia phong trào cách mạng và được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước Hạng nhất, Huân chương chiến thắng hạng ba; gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Viết L) được Đảng, Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì vì có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Ông Nguyễn D (Ông nội của bị cáo Nguyễn Viết L) được tặng Huân chương độc lập hạng ba vì đã có công lao đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

[5] Về hình phạt: trên cơ sở xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân và gia đình có nhiều thành tích được khen thưởng, có nhiều cống hiến cho cách mạng, phạm tội nhưng chưa gây hậu quả, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo cải tạo tại địa phương là đủ nghiêm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Những nội dung khác liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi cung cấp thông tin và thuê người làm giả Quyết định cấp đất của Nguyễn Viết L: Nguyễn Viết L là người đặt vấn đề, cung cấp thông tin và thanh toán tiền để làm giả Quyết định cấp đất nêu trên, hành vi này của Nguyễn Viết L có dấu hiệu đồng phạm về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, người thực hiện hành vi làm giả theo lời khai của L là người phụ nữ tên "L1" là chủ quán phôtô ở huyện C, anh Nguyễn Văn T4 và một người không rõ tên tuổi địa chỉ từ tin nhắn quảng cáo qua mạng internet. Hiện anh Nguyễn Văn T4 đã chết (năm 2011), L không biết những người còn lại và các tài liệu điều tra thu thập không xác định được chính xác người đã thực hiện hành vi làm giả, thời gian, địa điểm, không thu giữ được công cụ, phương tiện để thực hiện việc làm giả Quyết định nêu trên. Do đó, hành vi này của Nguyễn Viết L chưa có đủ căn cứ để xem xét xử lý TNHS về "Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan đến vụ án:

- Phan Thị H1 là người đứng tên trong Quyết định cấp đất giả nhưng bản thân H1 không biết quyết định này là giả. Nguyễn Viết L không cung cấp thông tin, cũng không trao đổi bàn bạc với Phan Thị H1 về việc làm Quyết định cấp đất giả nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Phan Thị H1.

- Nguyễn Đình T3 là người cùng Nguyễn Viết L làm giả Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1. Tuy nhiên, Nguyễn Đình T3 đã chết do bị bệnh hiểm nghèo vào tháng 6 năm 2011 nên không có căn cứ để xử lý.

- Người phụ nữ tên "Lương" là chủ quán phô tô, trực tiếp làm giả Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 mang tên Phan Thị H1. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại thị trấn C và xã C, huyện C nhưng không xác định được lai lịch, địa chỉ của người phụ nữ này. Hiện Cơ quan điều tra Công an huyện C đã tách hành vi, tiến hành xác minh và xử lý khi có căn cứ.

[7] Về vật chứng vụ án:

- Lưu theo hồ sơ vụ án các tài liệu là công cụ phương tiện phạm tội và liên quan đến việc phạm tội sau đây:

+ 01 (một) Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn mang tên Phan Thị H1, trong quyết định có chữ ký đứng tên Trần Đình H2, con dấu "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC T. HÀ TĨNH ★, quyết định được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2021 của Phan Thị H1.

+ 01 (một) Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn mang tên Phan Mậu N, trong quyết định có chữ ký đứng tên Trần Đình H2, con dấu "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC T. HÀ TĨNH", quyết định được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) Đơn xin cấp đất làm nhà ở ngày 25.3.94, trong đơn có chữ ký và tên Phan Thị H1 (Đơn có dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa), đơn được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) Phiếu thu số 16, ngày 11/4/1998, trong phiếu có nội dung: Họ và tên người nộp tiền: Phan Thị H1, số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), phiếu thu được ép plastic bên ngoài, phiếu thu được ép plastic bên ngoài.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) Đơn xin cấp đất và nhượng nhà ở ngày 25.3.91, trong đơn có chữ ký và tên Phan Mậu N.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Viết L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341, điểm s, h, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật TTHS, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết L phạm tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

2.Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết L 08 (tám) tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Viết L cho UBND thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87, Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

- Lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 (một) Quyết định số 25 QĐ/UB ngày 11/11/1998 về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn mang tên Phan Thị H1, trong quyết định có chữ ký đứng tên Trần Đình H2, con dấu "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC T. HÀ TĨNH ★, quyết định được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2021 của Phan Thị H1.

+ 01 (một) Quyết định số 401 QĐ/UB ngày 31/7/1998 về việc cho phép tiếp tục sử dụng đất khu dân cư nông thôn mang tên Phan Mậu N, trong quyết định có

chữ ký đứng tên Trần Đình H2, con dấu "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC T. HÀ TĨNH", quyết định được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) Đơn xin cấp đất làm nhà ở ngày 25.3.94, trong đơn có chữ ký và tên Phan Thị H1 (Đơn có dấu hiệu tẩy xóa, sửa chữa), đơn được ép plastic bên ngoài.

+ 01 (một) Phiếu thu số 16, ngày 11/4/1998, trong phiếu có nội dung: Họ và tên người nộp tiền: Phan Thị H1, số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), phiếu thu được ép plastic bên ngoài, phiếu thu được ép plastic bên ngoài.

- Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trả lại cho bị cáo: 01 (một) Đơn xin cấp đất và nhượng nhà ở ngày 25.3.91, trong đơn có chữ ký và tên Phan Mậu N (vật chứng đang lưu tại hồ sơ vụ án).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Viết L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Công an, VKS, THA huyện Can Lộc;
- UBND thị trấn Đồng Lộc, huyện Can Lộc
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HSVA, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào